

Số: 62 /PIT-CBTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2025



PETROLIMEX

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TP HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

Mã chứng khoán: PIT

Địa chỉ trụ sở chính: 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, P. 5, Q.5, TP. HCM

Điện thoại: (028) 38383400

Fax: (028) 38383500

Người thực hiện công bố thông tin: (Đại diện pháp luật) Ông Trần Trung Kiên-CT.HĐQT

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố báo cáo tài chính giai đoạn từ 01/01/2024-31/12/2024 bao gồm:

+ Báo cáo tài chính kiểm toán 2024 riêng

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 26/03/2025 tại đường dẫn: www.pitco.com.vn/quan_hệ_cổ_đồng/thông_tin_công_bố.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin
Chủ tịch Hội đồng quản trị



CHỦ TỊCH
TRẦN TRUNG KIÊN

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT.

**CÔNG TY CỔ
PHẦN XUẤT
NHẬP KHẨU
PETROLIMEX**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX
DN: C=VN, L=TPHCM, CN=CÔNG TY
CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
PETROLIMEX,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
0301776741
Reason: I agree to the terms defined by
the placement of my signature in this
document
Location:
Date: 2025-03-25 14:03:58
Foxit Reader Version: 9.0.1

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301776741 đăng ký lần đầu ngày 01/01/2004, đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 21 ngày 02/7/2024 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 21 ngày 02/7/2024 là: 151.993.450.000 VND (Bằng chữ: *Một trăm năm mươi một tỷ, chín trăm chín mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PETROLIMEX INTERNATIONAL TRADING JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: PITCO.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã giao dịch: PIT.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 05, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Trung Kiên	Chủ tịch
Ông Vũ Cường	Thành viên (Bầu từ ngày 14/6/2024)
Ông Văn Tuấn Anh	Thành viên (Bầu từ ngày 14/6/2024)
Bà Đậu Khánh Phương	Thành viên (Bầu từ ngày 14/6/2024)
Ông Nguyễn Đức Cường	Thành viên độc lập (Bầu từ ngày 14/6/2024)
Ông Huỳnh Đức Thông	Thành viên (Từ nhiệm từ ngày 22/5/2024)
Ông Nguyễn Đình Thanh	Thành viên (Hết nhiệm kỳ từ ngày 14/6/2024)
Ông Trần Minh Huỳnh	Thành viên (Hết nhiệm kỳ từ ngày 14/6/2024)
Ông Nguyễn Đức Huấn	Thành viên độc lập (Hết nhiệm kỳ từ ngày 14/6/2024)

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thúy Đào	Trưởng Ban kiểm soát (Miễn nhiệm từ ngày 14/6/2024) Thành viên (Bầu từ ngày 14/6/2024)
Bà Nguyễn Thị Huê	Trưởng ban kiểm soát (Bầu từ ngày 14/6/2024)
Bà Nguyễn Hoàng Mỹ Linh	Thành viên (Bầu từ ngày 14/6/2024)
Bà Trần Thị Lan	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 14/6/2024)
Bà Trần Thị Hương	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 14/6/2024)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Huỳnh Đức Thông	Tổng Giám đốc (Từ nhiệm từ ngày 22/5/2024)
Ông Trần Trung Kiên	Quyền Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm từ ngày 14/6/2024)
Ông Vũ Văn Cung	Phó Tổng Giám đốc (Nghỉ hưu từ ngày 01/10/2024)
Ông Văn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc (Nghỉ hưu từ ngày 01/08/2024)

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng để Báo cáo tài chính riêng không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Trần Trung Kiên
Chủ tịch HĐQT, Quyền Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2025

Số: 123/2025/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex, được lập ngày 20/3/2025, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Thị Mai Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2025

Lưu Minh Tới

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2022-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		221.813.210.418	169.223.971.063
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.417.327.510	485.201.316
1. Tiền	111	5.1	2.417.327.510	485.201.316
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	4.029.922.558	4.029.922.558
1. Chứng khoán kinh doanh	121		4.029.922.558	4.029.922.558
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		51.430.103.147	42.776.310.161
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	69.447.996.516	63.456.038.670
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	8.691.848.115	7.031.564.105
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	5.270.757.092	5.334.581.417
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.6	(31.987.104.895)	(33.045.874.031)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		6.606.319	
IV- Hàng tồn kho	140	5.7	112.255.814.614	70.837.735.056
1. Hàng tồn kho	141		114.418.142.409	70.837.735.056
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.162.327.795)	-
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		51.680.042.589	51.094.801.972
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	803.681.822	307.377.437
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		47.360.004.257	46.518.437.100
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.9	3.516.356.510	4.268.987.435
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		63.571.022.123	82.084.527.315
I Các khoản phải thu dài hạn	210		5.000.000	14.088.083.799
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	5.000.000	14.088.083.799
II Tài sản cố định	220		17.676.061.883	18.252.014.199
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	15.610.781.265	16.002.167.749
- Nguyên giá	222		70.920.810.979	68.928.458.016
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(55.310.029.714)	(52.926.290.267)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	2.065.280.618	2.249.846.450
- Nguyên giá	228		4.255.568.140	4.255.568.140
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.190.287.522)	(2.005.721.690)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		45.704.137.762	49.153.900.271
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.2	120.000.000.000	120.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2	7.975.000.000	7.975.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.2	(82.270.862.238)	(78.821.099.729)
VI Tài sản dài hạn khác	260		185.822.478	590.529.046
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	185.822.478	590.529.046
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		285.384.232.541	251.308.498.378

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		173.109.323.673	141.798.252.071
I- Nợ ngắn hạn	310		170.483.116.007	139.172.044.405
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	12.438.639.410	3.907.042.297
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		725.710.564	326.486.084
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	1.255.441	622.838.059
4. Phải trả người lao động	314		3.330.451.233	1.538.124.785
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	901.792.681	414.038.651
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	666.768.286	789.121.902
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	152.412.162.912	131.568.057.147
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		6.335.480	6.335.480
II- Nợ dài hạn	330		2.626.207.666	2.626.207.666
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	2.626.207.666	2.626.207.666
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		112.274.908.868	109.510.246.307
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	112.274.908.868	109.510.246.307
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		151.993.450.000	151.993.450.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>151.993.450.000</i>	<i>151.993.450.000</i>
5. Cổ phiếu quỹ	415		(12.425.734.109)	(12.425.734.109)
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(27.292.807.023)	(30.057.469.584)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	<i>421a</i>		<i>(30.057.469.584)</i>	<i>(21.019.695.660)</i>
- LNST chưa phân phối kì này	<i>421b</i>		<i>2.764.662.561</i>	<i>(9.037.773.924)</i>
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		285.384.232.541	251.308.498.378

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT, Quyền Tổng Giám đốc



Phạm Thị Mỹ Vân



Trần Thị Mỹ Trang



Trần Trung Kiên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	617.135.598.033	636.544.603.323
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	149.479.974	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	616.986.118.059	636.544.603.323
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	570.504.243.904	581.267.595.219
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		46.481.874.155	55.277.008.104
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	8.094.817.285	7.204.698.893
7. Chi phí tài chính	22	6.4	13.616.563.343	19.043.835.654
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		9.149.328.020	11.850.719.902
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	18.051.901.570	22.292.622.757
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	19.365.470.736	30.296.032.556
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		3.542.755.791	(9.150.783.970)
11. Thu nhập khác	31	6.6	44	114.027.278
12. Chi phí khác	32	6.6	18.563.795	1.017.232
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(18.563.751)	113.010.046
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		3.524.192.040	(9.037.773.924)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	759.529.479	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		2.764.662.561	(9.037.773.924)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT, Quyền Tổng Giám đốc

Phạm Thị Mỹ Vân

Trần Thị Mỹ Trang

Trần Trung Kiên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.524.192.040	(9.037.773.924)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		2.568.305.279	2.868.167.994
- Các khoản dự phòng	03		4.553.321.168	16.529.892.268
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(215.169.736)	(62.226.030)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(511.077.529)	(594.827.719)
- Chi phí lãi vay	06		9.149.328.020	11.850.719.902
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		19.068.899.242	21.553.952.491
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5.639.594.238	(24.247.868.510)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(43.580.407.353)	(20.106.174.189)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		10.440.435.242	862.841.789
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(91.597.817)	813.074.158
- Tiền lãi vay đã trả	14		(9.123.077.008)	(11.895.629.210)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(17.646.153.456)	(33.019.803.471)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(1.992.352.963)	(705.187.499)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		511.077.529	594.827.719
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.481.275.434)	(110.359.780)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		563.785.565.255	532.382.226.699
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(542.941.459.490)	(504.882.032.221)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		20.844.105.765	27.500.194.478
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		1.716.676.875	(5.629.968.773)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		485.201.316	6.114.230.089
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		215.449.319	940.000
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	2.417.327.510	485.201.316

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT, Quyền Tổng Giám đốc



Phạm Thị Mỹ Vân



Trần Thị Mỹ Trang



Trần Trung Kiên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301776741 đăng ký lần đầu ngày 01/01/2004, đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 21 ngày 02/7/2024 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 21 ngày 02/7/2024 là: 151.993.450.000 VND (Bằng chữ: *Một trăm năm mươi một tỷ, chín trăm chín mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PETROLIMEX INTERNATIONAL TRADING JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: PITCO.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã giao dịch: PIT.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 54 -56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 05, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 69 người (tại ngày 31/12/2023 là 81 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty:

Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng nông - lâm - thủy - hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, máy móc, thiết bị ngành công, nông nghiệp, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng; xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, kim loại màu, xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn chuyên doanh vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng, mua bán hàng tiêu dùng; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Đại lý, môi giới, đấu giá; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng nông - lâm - thủy - hải sản.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có Công ty con, đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
<i>Công ty con</i>					
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 05, quận 5, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh sản xuất sơn, vecni và các chất sơn	100%	100%	100%

Đơn vị trực thuộc gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex - Xí nghiệp nông sản Tân Uyên	Số 577/E, tổ 5, khu phố 3, phường Hội Nghĩa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC và Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo là Báo cáo tài chính riêng của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh riêng. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và Ngân hàng thương mại cổ phần;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (phải thu khách hàng): Đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Các khoản mục tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ: Đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính Ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty con và đầu tư khác

Đầu tư vào Công ty con: Các khoản đầu tư vào Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	05 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính, chứng chỉ LEED được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình (Tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03-05 năm.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác là chứng chỉ LEED, đây là một giấy chứng nhận tuân thủ các tiêu chuẩn về tiết kiệm năng lượng và tạo ra một môi trường xanh mà toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới giấy chứng nhận. Chứng chỉ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 20 năm.

Tài sản cố định vô hình khác là nhãn hiệu hàng hóa mà toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới nhãn hiệu. Nhãn hiệu hàng hóa được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí: Công cụ, dụng cụ xuất dùng; Chi phí trả trước chờ phân bổ.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chứng nhận thực phẩm

Các giấy chứng nhận thực phẩm được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 12 tháng.

Chi phí thuê hoạt động trả trước

Chi phí thuê hoạt động trả trước bao gồm khoản trả trước cho việc thuê cửa hàng xăng dầu của Công ty, khoản trả trước này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 02 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian trong dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: Được trích trước dựa trên dư nợ gốc, lãi suất, số ngày tính lãi của khoản vay từ các ngân hàng thương mại cổ phần.
- Chi phí kinh doanh: Là các chi phí vận chuyển và chi phí sơ chế thành phẩm được trích trước dựa trên hợp đồng và các biên bản xác nhận nhưng chưa có hóa đơn GTGT.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng trong nước và xuất khẩu (tiêu, quế), doanh thu từ kinh doanh xăng dầu và dịch vụ khác.

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	151.392.147	193.360.379
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.265.935.363	291.840.937
Tổng	2.417.327.510	485.201.316

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 05, quận 5,
thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

Đối tượng đầu tư	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá hợp lý	Giá gốc	Giá hợp lý
Chứng khoán kinh doanh	4.029.922.558		4.029.922.558	
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Áu Lạc (14.040 cổ phiếu)	410.000.000	(i)	410.000.000	(i)
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai - SDN (330.380 cổ phiếu) (ii)	3.619.922.558	10.406.970.000	3.619.922.558	9.250.640.000
Tổng	4.029.922.558		4.029.922.558	

(i) Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư.

(ii) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (mã giao dịch: SDN) được xác định căn cứ vào giá đóng cửa của cổ phiếu SDN trên sàn HNX và số cổ phiếu Công ty đang nắm giữ. Cụ thể, tại ngày 31/12/2024, giá trị hợp lý của cổ phiếu SDN được tính toán bằng giá đóng cửa là 31.500 VND/cổ phiếu x 330.380 Cổ phiếu (Tại ngày 29/12/2023, giá trị hợp lý của cổ phiếu SDN được tính toán bằng giá đóng cửa là 28.000 VND/cổ phiếu x 330.380 cổ phiếu).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 05, quận 5,
thành phố Hồ Chí Minh, Việt NamMẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**b. Đầu tư góp vốn vào Công ty con và đơn vị khác**

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ		31/12/2024		01/01/2024	
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Giá gốc	Giá hợp lý	Giá gốc	Giá hợp lý
Đầu tư vào Công ty con						
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	100%	100%	120.000.000.000	(74.295.862.238)	120.000.000.000	(74.716.099.729)
Đầu tư vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Kim loại Màu Nghệ Tĩnh	5,79%	5,79%	7.975.000.000	(7.975.000.000)	7.975.000.000	(4.105.000.000)
Tổng			127.975.000.000	(82.270.862.238)	127.975.000.000	(78.821.099.729)

(i) Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng do khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sắt thép Đông Á	9.538.272.918	9.538.272.918
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Công S Tạo	7.155.951.663	7.505.951.663
Công ty TNHH Sơn Đông Á	-	960.621.809
Ispice Foods	-	4.159.759.051
DAESANG CORPORATION	-	1.972.344.000
LES ALIMENT CELL FOODS INC.	8.909.437.500	-
SCHIFF FOOD PRODUCTS CO., INC	12.722.803.125	-
Phải thu các khách hàng khác	31.121.531.310	39.319.089.229
Tổng	69.447.996.516	63.456.038.670

Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)

- 8.096.000

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Nông sản Duy Tân	2.800.000.000	2.800.000.000
Công ty TNHH Khoáng sản An Thái	3.306.600.448	3.306.600.448
Coongty TNHH Xuất nhập khẩu Nông Sản	1.749.999.520	-
Các đối tượng khác	835.248.147	924.963.657
Tổng	8.691.848.115	7.031.564.105

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 05, quận 5,
thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.5. Phải thu khác

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
a) Ngắn hạn	5.270.757.092	(799.436.138)	5.334.581.417	(799.436.138)
Tạm ứng	3.911.678.775	-	3.917.400.059	-
Công ty TNHH MTV Gia vị Hương Việt -	447.520.000	(447.520.000)	447.520.000	(447.520.000)
Công ty Cổ phần Thép mới - lãi trả chậm theo hợp đồng	331.235.902	(331.235.902)	331.235.902	(331.235.902)
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	-	-	19.115.001	-
Phải thu khác	580.322.415	(20.680.236)	619.310.455	(20.680.236)
b) Dài hạn	5.000.000	-	14.088.083.799	-
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	-	-	13.483.083.799	-
Ký cược, ký quỹ	5.000.000	(5.000.000)	605.000.000	-
Tổng	5.275.757.092	(799.436.138)	19.422.665.216	(799.436.138)
	-	-	13.502.198.800	-

Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 05, quận 5,
thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**Mẫu số B 09 - DN**
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.6. Nợ xấu

Đối tượng	Tại ngày 31/12/2024 (VND)			Tại ngày 01/01/2024 (VND)				
	Số năm quá hạn	Giá gốc (+)	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi	Số năm quá hạn	Giá gốc (+)	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi
1. Các khoản phải thu khách hàng		24.581.276.809	(24.581.276.809)	-		24.931.276.809	(24.931.276.809)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Á Châu	> 3 năm	1.905.426.472	(1.905.426.472)	-	> 3 năm	1.905.426.472	(1.905.426.472)	-
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Công S Tạo	> 3 năm	7.155.951.663	(7.155.951.663)	-	> 3 năm	7.505.951.663	(7.505.951.663)	-
Công ty Cổ Phần Thép Mới	> 3 năm	2.029.050.529	(2.029.050.529)	-	> 3 năm	2.029.050.529	(2.029.050.529)	-
Công ty Cổ phần Sắt thép Đông Á	> 3 năm	9.538.272.918	(9.538.272.918)	-	> 3 năm	9.538.272.918	(9.538.272.918)	-
Công ty TNHH Đông Á	> 3 năm	960.621.809	(960.621.809)	-	> 3 năm	960.621.809	(960.621.809)	-
Các đối tượng khác còn lại	> 3 năm	2.991.953.418	(2.991.953.418)	-	> 3 năm	2.991.953.418	(2.991.953.418)	-
2. Trả trước cho người bán		6.606.391.948	(6.606.391.948)	-		6.656.391.948	(6.656.391.948)	-
Công ty TNHH MTV Nông sản Duy Tân	> 3 năm	2.800.000.000	(2.800.000.000)	-	> 3 năm	2.800.000.000	(2.800.000.000)	-
Công ty TNHH Khoáng sản An Thái	> 3 năm	3.306.600.448	(3.306.600.448)	-	> 3 năm	3.306.600.448	(3.306.600.448)	-
Các đối tượng khác còn lại	> 3 năm	499.791.500	(499.791.500)	-	> 3 năm	549.791.500	(549.791.500)	-
3. Phải thu khác		799.436.138	(799.436.138)	-		1.458.205.274	(1.458.205.274)	-
Công ty Cổ phần Thép Mới	> 3 năm	331.235.902	(331.235.902)	-	> 3 năm	331.235.902	(331.235.902)	-
Công ty TNHH MTV Thành viên Gia vị Hương Việt	> 3 năm	447.520.000	(447.520.000)	-	> 3 năm	447.520.000	(447.520.000)	-
Các đối tượng khác còn lại	> 3 năm	20.680.236	(20.680.236)	-	> 3 năm	679.449.372	(679.449.372)	-
Tổng		31.987.104.895	(31.987.104.895)	-		33.045.874.031	(33.045.874.031)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 05, quận 5,
thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.7. Hàng tồn kho

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	66.988.441.731	(2.162.327.795)	62.260.040.696	-
Thành phẩm	46.531.038.648	-	-	-
Hàng hóa	441.990.030	-	2.054.825.882	-
Hàng gửi bán	456.672.000	-	6.522.868.478	-
Tổng	114.418.142.409	(2.162.327.795)	70.837.735.056	-

Công ty đang thế chấp hàng tồn kho (bình quân/luân chuyển) để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn, như được trình bày tại Thuyết minh số 5.15 với giá trị tại ngày 31/12/2024 là 113.961.470.409 VND (tại ngày 01/01/2024: 64.314.866.578 VND).

5.8. Chi phí trả trước

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	803.681.822	307.377.437
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	59.185.620	99.104.203
Chứng nhận thực phẩm	22.233.331	45.138.431
Các khoản khác	722.262.871	163.134.803
b) Dài hạn	185.822.478	590.529.046
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	36.804.025	90.191.225
Chi phí thuê hoạt động trả trước	14.749.998	150.000.000
Các chi phí khác	134.268.455	350.337.821
Tổng	989.504.300	897.906.483

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX
 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 05, quận 5,
 thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.9. Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	01/01/2024	31/12/2024
Phải nộp		
Thuế GTGT	622.838.059	1.476.730.963
Thuế xuất, nhập khẩu	540.920.681	873.306.512
Thuế thu nhập cá nhân	-	31.340.550
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	81.917.378	530.679.692
Các loại thuế và lệ phí khác	-	1.893.180
Thuế môn bài	-	35.511.029
	-	4.000.000
Phải thu	4.268.987.435	759.529.479
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.268.987.435	759.529.479
Thuế thu nhập cá nhân	-	-
	-	6.898.554
	-	3.516.356.510
	-	3.509.457.956
	-	6.898.554

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 05, quận 5,
thành phố Hồ Chí Minh, Việt NamMẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hìnhĐơn vị tính: VND

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
Số dư tại 01/01/2024	33.050.111.163	30.819.259.390	2.291.193.958	2.767.893.505	68.928.458.016
Tăng trong năm	-	33.990.000	1.958.362.963	-	1.992.352.963
Mua trong năm	-	33.990.000	1.958.362.963	-	1.992.352.963
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2024	33.050.111.163	30.853.249.390	4.249.556.921	2.767.893.505	70.920.810.979
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2024	21.464.403.261	27.118.838.826	2.109.557.636	2.233.490.544	52.926.290.267
Tăng trong năm	1.374.141.743	553.679.489	199.726.239	256.191.976	2.383.739.447
Khấu hao trong năm	1.374.141.743	553.679.489	199.726.239	256.191.976	2.383.739.447
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2024	22.838.545.004	27.672.518.315	2.309.283.875	2.489.682.520	55.310.029.714
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2024	11.585.707.902	3.700.420.564	181.636.322	534.402.961	16.002.167.749
Tại ngày 31/12/2024	10.211.566.159	3.180.731.075	1.940.273.046	278.210.985	15.610.781.265

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 14.667.259.660 VND (tại ngày 01/01/2024 là 15.641.954.770 VND).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2024 là 39.507.157.538 VND (tại ngày 01/01/2024 là 39.507.157.538 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại ngày 01/01/2024	1.205.192.140	2.096.861.000	953.515.000	4.255.568.140
Tăng trong năm	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2024	1.205.192.140	2.096.861.000	953.515.000	4.255.568.140
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại ngày 01/01/2024	-	1.660.354.402	345.367.288	2.005.721.690
Tăng trong năm	-	132.170.832	52.395.000	184.565.832
Khấu hao trong năm	-	132.170.832	52.395.000	184.565.832
Số dư tại ngày 31/12/2024	-	1.792.525.234	397.762.288	2.190.287.522
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2024	1.205.192.140	436.506.598	608.147.712	2.249.846.450
Tại ngày 31/12/2024	1.205.192.140	304.335.766	555.752.712	2.065.280.618

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 1.205.192.140 VND (tại ngày 01/01/2024 là 1.205.192.140 VND).

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2024 là 1.606.673.500 VND (tại ngày 01/01/2024 là 1.606.673.500 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 05, quận 5,
thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
Chi nhánh Xăng Dầu Sài Gòn - Công ty Xăng dầu khu vực II TNHH Một Công ty TNHH Dững Thu Đạt	7.663.211.580	-	303.454.000	303.454.000
Công ty TNHH Giao Nhận Quốc Tế Gia Nguyễn	-	7.663.211.580	-	-
Công ty TNHH Sản xuất TM Hoàng Gia Tuấn	2.059.160.620	-	918.342.406	918.342.406
Công ty TNHH MTV SX TM XNK Thăng Lợi	803.887.200	-	406.096.416	-
Các đối tượng khác	1.912.380.010	-	2.279.149.475	2.279.149.475
Tổng	12.438.639.410	12.438.639.410	3.907.042.297	3.907.042.297
	24.842.269	24.842.269	324.828.391	324.828.391

Trong đó: Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	152.412.163	126.161.151
Trích trước chi phí kinh doanh	749.380.518	287.877.500
Tổng	901.792.681	414.038.651

5.14. Phải trả khác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	666.768.286	789.121.902
Tài sản thừa chờ giải quyết	39.526.011	39.526.011
Kinh phí công đoàn	96.432.311	125.511.142
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	6.418.468	1.083.108
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	493.929.819	493.929.819
Các khoản phải trả, phải nộp khác	30.461.677	129.071.822
b) Dài hạn	2.626.207.666	2.626.207.666
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.626.207.666	2.626.207.666
Tổng	3.292.975.952	3.415.329.568

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 05, quận 5,
thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.15. Vay ngắn hạn

	31/12/2024 (VND)	Trong năm (VND)	01/01/2024 (VND)
	Giá trị	Tăng	Giảm
	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (i)	152.412.162.912	510.808.571.407	489.964.465.642
Ngân hàng TMCP Quân Đội (ii)	-	52.976.993.848	52.976.993.848
Tổng	152.412.162.912	563.785.565.255	542.941.459.490
			Số có khả năng trả nợ
			131.568.057.147
			131.568.057.147

(i) Vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex theo Hợp đồng tín dụng số 441.0048/2024/HĐTDHM-DN/PGBank.SG ký ngày 02/07/2024

Hạn mức tín dụng 200.000.000.000 VND

Mục đích vay

Bổ sung vốn lưu động.

Thời hạn vay

Không quá 03 - 06 tháng theo từng khế ước nhận nợ

Lãi suất vay

Được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời điểm và được ghi trên từng Giấy nhận nợ.

Hình thức đảm bảo tiền vay

+ Bất động sản thuộc sở hữu đất số 98, tờ bản đồ số 06 tọa lạc tại Xã Hội Nghĩa, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương. Thông qua Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và sổ phát hành: BE 300577 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CT00420 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 25/10/2011, giá trị tài sản đảm bảo tại thời điểm ký kết Hợp đồng tín dụng là 90.263.000.000 VND.

+ Hàng tồn kho bình quân/luân chuyển của Công ty

+ Quyền đòi nợ từ các khoản phải thu của Công ty.

+ Máy móc thiết bị của Công ty

Số dư gốc vay tại ngày
31/12/2024

152.412.162.912 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.15. Vay ngắn hạn (Tiếp theo)

(ii) Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội theo Hợp đồng tín dụng số 197682.24.102.32901097 ký ngày 10/04/2024

Hạn mức tín dụng	100.000.000.000 VND
Mục đích vay	Phục vụ hoạt động chế biến và thương mại tiêu, gia vị khác của khách hàng
Thời hạn vay	06 tháng theo từng khế ước nhận nợ
Lãi suất vay	Được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời điểm và được ghi trên từng lần giải ngân, giấy nhận nợ và thỏa thuận chung. + Ký quỹ tại MB Bank, tiền gửi theo Hợp đồng tiền gửi/sổ tiết kiệm/giấy tờ có giá do MB Bank phát hành;
Hình thức đảm bảo tiền vay	+ Tiền gửi theo Hợp đồng tiền gửi/sổ tiết kiệm/giấy tờ có giá do Tổ chức tín dụng phát hành được MB Bank chấp nhận; + Bất động sản; Phương tiện vận tải; Máy móc thiết bị + Hàng hóa và quyền đòi nợ hình thành từ phương án MB Bank tài trợ
Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2024	0 VND

5.16. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2023	151.993.450.000	(12.425.734.109)	(21.019.695.660)	118.548.020.231
Lỗi trong năm trước	-	-	(9.037.773.924)	(9.037.773.924)
Số dư tại 31/12/2023	151.993.450.000	(12.425.734.109)	(30.057.469.584)	109.510.246.307
Số dư tại 01/01/2024	151.993.450.000	(12.425.734.109)	(30.057.469.584)	109.510.246.307
Lãi trong năm này	-	-	2.764.662.561	2.764.662.561
Số dư tại 31/12/2024	151.993.450.000	(12.425.734.109)	(27.292.807.023)	112.274.908.868

b. Chi tiết vốn góp chủ sở hữu

Tên cổ đông	Tại ngày 31/12/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phần	Giá trị tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phần	Giá trị tính theo mệnh giá (VND)
Công ty TNHH MTV - Tổng công ty xây lắp và thương mại Petrolimex	52,67%	8.005.611	80.056.110.000	52,67%	8.005.611	80.056.110.000
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	47,33%	7.193.734	71.937.340.000	47,33%	7.193.734	71.937.340.000
Tổng	100%	15.199.345	151.993.450.000	100%	15.199.345	151.993.450.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	151.993.450.000	151.993.450.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	151.993.450.000	151.993.450.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.199.345	15.199.345
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.199.345	15.199.345
Cổ phiếu phổ thông	15.199.345	15.199.345
Số lượng cổ phiếu được mua lại	989.120	989.120
Cổ phiếu phổ thông	989.120	989.120
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.210.225	14.210.225
Cổ phiếu phổ thông	14.210.225	14.210.225
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

5.17. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng

a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
Đô la Mỹ (USD)	8.365,34	9.714,05
Tương ứng tiền VND	229.349.187	232.800.460
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	1.806	1.815
Tương ứng tiền VND	47.287.229	48.311.451

b) Nhận cổ tức bằng cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng Cổ phiếu của Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP từ việc nhận cổ tức bằng cổ phiếu	692	692

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	617.135.598.033	636.544.603.323
Doanh thu bán hàng nội địa	166.195.221.795	135.365.300.035
Doanh thu bán hàng xuất khẩu	448.132.078.902	501.179.303.288
Doanh thu cho thuê hoạt động và cung cấp dịch vụ khác	2.808.297.336	-
b) Các khoản giảm trừ doanh thu	149.479.974	-
Chiết khấu thương mại	149.479.974	-
c) Doanh thu thuần (a) - (b)	616.986.118.059	636.544.603.323
<i>Trong đó: Doanh thu bán hàng cho các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.1)</i>	<i>45.080.000</i>	<i>65.320.000</i>

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn hàng bán nội địa	165.992.597.990	121.266.726.778
Giá vốn hàng bán xuất khẩu	404.511.645.914	460.000.868.441
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Tổng	570.504.243.904	581.267.595.219
<i>Mua hàng từ các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)</i>	<i>1.280.888.158</i>	<i>26.648.078.185</i>

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.445.129	4.026.719
Cổ tức, lợi nhuận được chia	507.632.400	590.801.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.263.470.007	5.385.273.136
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	320.269.749	1.224.598.038
Tổng	8.094.817.285	7.204.698.893
<i>Trong đó: Doanh thu tài chính cho các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)</i>	<i>320.269.749</i>	<i>1.224.598.038</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền vay	9.149.328.020	11.850.719.902
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.017.472.814	900.533.759
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	3.449.762.509	6.292.581.993
Tổng	13.616.563.343	19.043.835.654

6.5 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí bán hàng	18.051.901.570	22.292.622.757
Chi phí nhân viên	5.052.399.414	3.926.348.059
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	17.084.880	9.794.880
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.982.417.276	18.338.154.018
Chi phí bằng tiền khác	-	18.325.800
Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.365.470.736	30.296.032.556
Chi phí nhân viên quản lý	11.685.183.667	10.850.152.807
Chi phí đồ dùng văn phòng	507.926.832	942.686.436
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.094.583.377	1.802.918.568
Thuế phí và lệ phí	123.335.930	149.438.930
Chi phí dự phòng	(458.769.136)	11.340.357.065
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.730.551.451	5.210.478.750
Chi phí bằng tiền khác	1.682.658.615	-
Tổng	37.417.372.306	52.588.655.313
<i>Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)</i>	<i>382.000.058</i>	<i>432.954.989</i>

6.6 Lợi nhuận khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập khác		
Các khoản thu được từ phạt không thực hiện hợp đồng	-	114.000.000
Các khoản khác	44	27.278
Tổng	44	114.027.278
Chi phí khác		
Các khoản khác	18.563.795	1.017.232
Tổng	18.563.795	1.017.232
Lợi nhuận khác	(18.563.751)	113.010.046

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	407.427.239.493	296.237.418.817
Chi phí nhân công	27.310.369.461	16.391.990.266
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.568.305.279	2.868.167.994
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.258.855.962	29.868.734.864
Chi phí khác bằng tiền	1.682.658.615	4.876.373.360
Tổng	462.247.428.810	350.242.685.301

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.524.192.040	(9.037.773.924)
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	781.087.754	9.463.759.540
<i>Các khoản chi phí không được trừ</i>	<i>781.087.754</i>	<i>140.689.442</i>
<i>Chi phí vay thuận không được trừ theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020</i>	<i>-</i>	<i>9.323.070.098</i>
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	507.632.400	590.801.000
<i>Thu nhập từ nhận cổ tức</i>	<i>507.632.400</i>	<i>590.801.000</i>
Thu nhập chịu thuế	3.797.647.394	(164.815.384)
<i>Các khoản lỗ được kết chuyển</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Thu nhập tính thuế	3.797.647.394	(164.815.384)
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	759.529.479	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	759.529.479	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin về các bên liên quan****a. Danh sách các bên liên quan:**

Stt	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty xây lắp và thương mại Petrolimex	Công ty mẹ
2	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty con
3	Công ty Bảo hiểm PJICO Sài Gòn	Cùng Công ty mẹ
4	Công ty Xăng dầu Tiền Giang	Cùng Công ty mẹ
5	Công ty Bảo hiểm PJICO Gia Định	Cùng Công ty mẹ
6	Chi nhánh Xăng Dầu Sài Gòn - Công ty Xăng dầu khu vực II TNHH Một	Cùng Công ty mẹ
7	Công ty Cổ phần Tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex	Cùng Công ty mẹ
8	Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Cùng Công ty mẹ
9	Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

b. Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác**b1. Lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng Quản trị**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Trần Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT, Quyền Tổng Giám đốc	536.032.000	523.302.000
Ông Vũ Cường	Thành viên HĐQT, bầu từ ngày 14/6/2024	41.600.000	-
Bà Đậu Khánh Phương	Thành viên HĐQT, bầu từ ngày 14/6/2024	41.600.000	-
Ông Nguyễn Đức Cường	Thành viên HĐQT độc lập, bầu từ ngày 14/6/2024	41.600.000	-
Ông Trần Minh Huỳnh	Thành viên HĐQT, hết nhiệm kỳ từ ngày 14/6/2024	35.200.000	95.040.000
Ông Nguyễn Đình Thanh	Thành viên HĐQT, hết nhiệm kỳ từ ngày 14/6/2024	35.200.000	95.040.000
Ông Nguyễn Đức Huân	Thành viên HĐQT độc lập, hết nhiệm kỳ từ ngày 14/6/2024	35.200.000	56.100.000
Tổng		766.432.000	769.482.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b2. Lương, thù lao và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Năm 2024</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2023</u> <u>VND</u>
Bà Nguyễn Thị Huệ	Trưởng ban, bầu từ ngày 14/6/2024	41.600.000	-
Bà Nguyễn Hoàng Mỹ Linh	Thành viên, bầu từ ngày 14/6/2024	104.000.000	-
Bà Lê Thúy Đào	Thành viên, từ ngày 14/6/2024	312.800.000	347.910.000
Bà Trần Thị Lan	Thành viên, miễn nhiệm từ ngày 14/6/2024	26.400.000	57.600.000
Bà Trần Thị Hương	Thành viên, miễn nhiệm từ ngày 14/6/2024	26.400.000	57.600.000
Tổng		511.200.000	463.110.000

b3. Lương và các lợi ích khác của Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Năm 2024</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2023</u> <u>VND</u>
Ông Huỳnh Đức Thông	Tổng Giám đốc, từ nhiệm ngày 22/5/2024	141.257.000	488.334.000
Ông Vũ Văn Cung	Phó Tổng Giám đốc, nghỉ hưu từ ngày 01/10/2024	112.000.000	167.910.000
Ông Văn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc	344.424.000	376.983.000
Ông Nguyễn Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc, nghỉ hưu từ ngày 01/08/2024	198.400.000	339.261.000
Tổng		796.081.000	1.372.488.000

B4. Lương và các lợi ích khác của người quản lý khác

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Năm 2024</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2023</u> <u>VND</u>
Ông Nguyễn Minh Quang	Nguyên kế toán trưởng	-	337.910.000
Bà Trần Thị Mỹ Trang	Kế toán trưởng	355.200.000	-
Bà Ngô Bích Hạnh	Người phụ trách quản trị Công ty, từ nhiệm từ ngày 30/6/2024	380.069.480	350.840.710
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Người phụ trách quản trị Công ty, từ nhiệm từ ngày 31/10/2024	202.784.880	-
Bà Vũ Thị Lan Anh	Người phụ trách quản trị Công ty, bổ nhiệm từ ngày 01/11/2024	30.394.700	-
Tổng		968.449.060	688.750.710

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**c. Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Giao dịch mua		1.662.888.216	27.081.033.174
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Mua hàng hóa	-	59.779.000
Công ty Bảo hiểm PJICO Sài Gòn	Mua phí bảo hiểm	382.000.058	291.288.941
Chi Nhánh Xăng Dầu Sài Gòn - Công ty Xăng dầu khu vực II TNHH MTV	Mua hàng hóa	1.280.888.158	26.648.078.185
Công ty Bảo hiểm PJICO Gia Định	Mua phí bảo hiểm	-	81.887.048
Giao dịch bán		45.080.000	65.320.000
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh Công ty Cổ phần Thiết Bị Xăng Dầu Petrolimex	Bán hàng hóa	45.080.000	65.320.000
Giao dịch khác		320.269.749	1.224.598.038
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Lãi trả chậm	320.269.749	1.224.598.038

d. Số dư phải thu và phải trả chủ yếu với các bên liên quan

Bên liên quan	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu khách hàng	-	8.096.000
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh Công ty Cổ phần Thiết Bị Xăng Dầu Petrolimex	-	8.096.000
Phải thu khác	-	13.502.198.800
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	-	13.502.198.800
Phải trả cho người bán	24.842.269	324.828.391
Công ty Bảo hiểm PJICO Sài Gòn	416.790	21.374.391
Chi Nhánh Xăng Dầu Sài Gòn - Công ty Xăng dầu khu vực II TNHH Một Thành Viên	24.425.479	303.454.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2025

Người lập

Phạm Thị Mỹ Vân

Kế toán trưởng

Trần Thị Mỹ Trang

Chủ tịch HĐQT, Quyền Tổng Giám đốc



Trần Trung Kiên